

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Số: 26805 /TB-SLĐTBXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc nhận đăng ký nội quy lao động

Kính gửi: Công ty TNHH một thành viên Quản lý
Khai thác Dịch vụ Thủy lợi
Địa chỉ: Số 21 Quốc Lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi

Căn cứ Bộ luật Lao động năm 2019.

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xác nhận hồ sơ đăng ký nội quy lao động của Công ty TNHH một thành viên Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi, địa chỉ Số 21 Quốc Lộ 22, ấp Trạm Bơm, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, đã được tiếp nhận vào ngày 10/8/2022; đề nghị Công ty thực hiện thông báo nội quy lao động đến từng người lao động và niêm yết ở những nơi cần thiết trong đơn vị.

Trường hợp Công ty TNHH một thành viên Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi có chi nhánh, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh đặt ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm gửi nội quy lao động sau khi có hiệu lực đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh, đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Công ty TNHH một thành viên Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi chịu trách nhiệm thực hiện đúng quy định của pháp luật lao động và cập nhật các quy định pháp luật để rà soát, sửa đổi, bổ sung và đăng ký lại nội quy lao động, đảm bảo các nội dung quy định trong nội quy lao động phù hợp theo quy định của pháp luật lao động hiện hành. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P.LĐTLBHXH (Ngn).



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI

NỘI QUY LAO ĐỘNG

Tháng 08 năm 2022

Số: 245/QĐ-CTy

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về ban hành Nội quy lao động

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ
KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY LỢI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con;

Căn cứ Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc lấy ý kiến Ban Chấp hành Công đoàn Cơ sở Công ty về nội dung Nội quy lao động năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Nội quy lao động năm 2022 của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận được hồ sơ đăng ký nội quy lao động, những quy định trước đây trái với quyết định này điều bãi bỏ.

Điều 3. Ban Giám đốc Công ty, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, toàn thể người lao động trong Công ty có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Dam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2022

NỘI QUY LAO ĐỘNG

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số: 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Kế hoạch tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức lao động trong Công ty;

Sau khi trao đổi thống nhất với Ban chấp hành Công đoàn;

Giám đốc Công ty ban hành Nội quy lao động thực hiện trong Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi thành phố Hồ Chí Minh, nội dung cụ thể như sau:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nội quy lao động gồm những quy định về kỷ luật lao động mà người lao động phải thực hiện khi làm việc tại Công ty; Quy định việc xử lý kỷ luật đối với người lao động có hành vi vi phạm kỷ luật lao động; Quy định trách nhiệm vật chất đối với người lao động vi phạm kỷ luật lao động làm thiệt hại về tài sản và uy tín của Công ty.

Điều 2. Nội quy lao động được áp dụng đối với tất cả người lao động làm việc tại Công ty theo các hình thức và các loại hợp đồng lao động, kể cả người học nghề, người tập nghề trong Công ty, người làm việc không có quan hệ lao động.

Điều 3. Nội quy lao động có hiệu lực sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản Nội quy lao động được đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Bộ luật lao động.

Những quy định trước đây của Công ty trái với Nội quy lao động này đều bãi bỏ.

CHƯƠNG II NỘI DUNG CỦA NỘI QUY LAO ĐỘNG

I. THỜI GIỜ LÀM VIỆC VÀ THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI

Điều 4. Thời giờ làm việc

1. Đối với bộ phận gián tiếp tại Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc 08 giờ/ngày, 44 giờ/tuần, cụ thể:

- Từ thứ hai đến thứ sáu: ,
- + Buổi sáng: Từ 07 giờ 30 và kết thúc lúc 11 giờ 30.
- + Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 và kết thúc lúc 17 giờ 00.
- Thứ bảy: Từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút.

2. Đối với xí nghiệp Cấp nước làm việc theo ca (03 ca/ngày): thời gian làm việc mỗi ca là 08 giờ, 48 giờ/tuần, bố trí người lao động làm việc các ca luân phiên nhau, cụ thể:

- Ca sáng: Từ 06 giờ đến 14 giờ.
- Ca chiều: Từ 14 giờ đến 22 giờ cùng ngày.
- Ca tối: Từ 22 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau.

Giám đốc xí nghiệp bố trí cho người lao động được nghỉ luân phiên hàng tuần (vào các ngày từ thứ ba đến chủ nhật). Người lao động làm việc vào ca tối thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.

3. Đối với bộ phận trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi: Đảm bảo thời gian làm việc 44 giờ/tuần (08 giờ/ngày). Căn cứ chức năng nhiệm vụ và tình hình thực tế của đơn vị, Giám đốc xí nghiệp bố trí thời gian làm việc cho phù hợp, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, đúng quy định.

Giám đốc các xí nghiệp trực thuộc bố trí luân phiên người lao động trực bảo vệ cơ quan vào ban đêm, các ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ hàng tuần; trực phòng chống lụt bão, triều cường nhằm bảo vệ an toàn công trình, tài sản nhà nước, đảm bảo an ninh trật tự cơ quan.

4. Đối với lao động nữ:

- Trong thời gian hành kinh được nghỉ mỗi ngày 30 phút.
- Trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi, được nghỉ mỗi ngày 60 phút trong thời gian làm việc.
- Có thai từ tháng thứ 7 hoặc con dưới 12 tháng tuổi không phải làm thêm giờ hoặc đi công tác xa.

5. Đối với người lao động cao tuổi thì được rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc được áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian.

Điều 5. Thời giờ làm thêm

1. Làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường được quy định trong pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc theo nội quy lao động.

2. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Được sự đồng ý của người lao động.

b) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày, trường hợp áp dụng quy định làm việc theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng và tổng số không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 107 Bộ luật lao động năm 2019 và các trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định thì được làm thêm giờ không quá 300 giờ trong 01 năm.

c) Khi tổ chức làm thêm giờ theo quy định tại khoản 3 Điều 107 Bộ luật lao động năm 2019 thì người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

3. Làm thêm giờ trong những trường hợp đặc biệt: Người sử dụng lao động có quyền yêu cầu người lao động làm thêm giờ vào bất kỳ ngày nào và người lao động không được từ chối trong các trường hợp sau đây:

- Thực hiện lệnh động viên, huy động đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các công việc nhằm bảo vệ tính mạng con người, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng ngừa và khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố đột xuất công trình, hỏa hoạn, dịch bệnh và thảm họa.

4. Đối với Xí nghiệp Cấp nước: Do đặc thù công việc luôn đảm bảo sản xuất liên tục để cấp nước phục vụ các doanh nghiệp dùng nước nên việc trực lễ, Tết Ban Giám đốc Xí nghiệp sẽ năng động sắp xếp lịch trực phù hợp.

5. Người lao động làm thêm giờ theo yêu cầu của Công ty được trả lương theo Luật lao động.

6. Số giờ làm thêm phải được Thủ trưởng trực tiếp quản lý xác nhận trong bảng chấm công.

Điều 6. Thời gian nghỉ ngơi

- Đối với người lao động làm việc theo ca được nghỉ 30 phút để ăn giữa ca. Trường hợp làm việc ca tối (từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng hôm sau), thì người lao động được nghỉ giữa ca ít nhất 45 phút, tính vào thời giờ làm việc. Người lao động làm việc theo ca được nghỉ ít nhất 12 giờ trước khi chuyển sang ca làm việc khác.

- Mỗi tuần làm việc người lao động được nghỉ 01 buổi chiều ngày thứ bảy và cả ngày chủ nhật (trừ những ngày đã bố trí lịch trực tại cơ quan hoặc trực trên công trình).

- Trong trường hợp đặc biệt do chu kỳ lao động không thể nghỉ hằng tuần thì đơn vị sắp xếp cho người lao động được nghỉ tính bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.

- Mỗi năm người lao động được nghỉ lễ, tết, theo quy định tại điều 112 của Bộ luật lao động. Nghỉ phép năm thực hiện theo điều 113, 114 của Bộ luật lao động.

- Đối với lao động nữ, thời gian nghỉ thai sản theo quy định tại điều 139, 140 của Bộ luật lao động.

Điều 7. Nghỉ việc riêng và nghỉ không hưởng lương

1. Người lao động được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương và phải thông báo với người sử dụng lao động trong trường hợp sau:

- Kết hôn: nghỉ 03 ngày.
- Con đẻ, con nuôi kết hôn: nghỉ 01 ngày.
- Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi chết: nghỉ 03 ngày.

2. Người lao động được nghỉ không hưởng lương 01 ngày và phải thông báo với người sử dụng lao động khi ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh, chị, em ruột chết; cha hoặc mẹ kết hôn; anh, chị, em ruột kết hôn.

3. Ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người lao động có thể thỏa thuận với người sử dụng lao động để nghỉ không hưởng lương.

4. Thời gian hưởng chế độ khi sinh con:

- Lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh con là 06 tháng. Trường hợp sinh đôi trở lên thì tính từ con thứ 02 trở đi, cứ mỗi con, người mẹ được nghỉ thêm 01 tháng. Thời gian nghỉ chế độ thai sản trước khi sinh tối đa không quá 02 tháng.

- Lao động nam, khi vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản như sau: được nghỉ 05 ngày; trường hợp vợ sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi được nghỉ 07 ngày; Trường hợp vợ sinh đôi thì được nghỉ 10 ngày, từ sinh ba trở lên thì cứ thêm mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày; Trường hợp vợ sinh đôi trở lên mà phải phẫu thuật thì được nghỉ 14 ngày làm việc. Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản quy định tại khoản này được tính trong khoảng thời gian 30 ngày đầu kể từ ngày vợ sinh con.

- Trong thời gian nghỉ thai sản lao động nữ (lao động nam khi vợ sinh con) được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

5. Trường hợp nghỉ phép năm, nghỉ việc riêng có hưởng lương hoặc không hưởng lương người lao động phải làm đơn trình Giám đốc Công ty phê duyệt; những trường hợp cấp bách chưa kịp làm đơn, người lao động phải báo cáo bằng phương tiện nhanh nhất cho Thủ trưởng trực tiếp quản lý, sau đó phải thực hiện đầy đủ thủ tục quy định.

II. TRẬT TỰ TRONG CÔNG TY

Điều 8. Quy định vào ra tại Công ty

1. Quy định chung:

- Nghiêm cấm người lao động tự ý mang vũ khí, chất gây cháy, nổ vào cơ quan, các phương tiện vật tư nếu cần mang ra, vào cơ quan phải báo, phải đăng ký trước với người phụ trách bảo vệ.

- Nghiêm cấm người lao động tự ý đưa người không phận sự vào nơi làm việc khi chưa có sự đồng ý của người phụ trách, thủ trưởng đơn vị; không được tự ý vào nơi làm việc, nơi sản xuất của người khác khi chưa được sự phân công và đồng ý của Lãnh đạo đơn vị đó,

- Người lao động phải có mặt tại nơi công tác đúng giờ quy định.

2. Đối với người lao động gián tiếp:

- Nhân viên, người lao động phải có mặt tại nơi làm việc đúng giờ quy định, trừ trường hợp đi hội họp, đi công tác bên ngoài, từng bộ phận phải có người trực để tiếp nhận và giải quyết công việc.

- Nhân viên, người lao động làm việc tại đơn vị nào thì chỉ làm việc tại đơn vị đó, không được tự ý đi lại nơi khác (trừ trường hợp được phân công hoặc quan hệ công tác). Không được tự ý vào nơi làm việc, nơi sản xuất của người khác khi chưa được sự phân công và đồng ý của Lãnh đạo đơn vị đó,

- Ngoài giờ làm việc theo quy định và trực cơ quan, nhân viên, người lao động không được ở lại trụ sở, nơi làm việc. Trường hợp cần phải làm việc thêm giờ phải có ý kiến đề xuất của người phụ trách được Ban Giám đốc Công ty chấp thuận.

3. Đối với người lao động trực tiếp:

- Người lao động không được tự ý rời bỏ vị trí công tác đã được bố trí nếu không có sự đồng ý của người phụ trách (Trừ trường hợp khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe và tính mạng của mình hoặc những người khác cho tới khi nguy cơ được khắc phục).

- Phải có mặt tại nơi công tác đúng giờ quy định, khi làm việc phải mang đầy đủ đồ bảo hộ lao động do đơn vị cấp phát.

- Nghiêm cấm người lao động tự ý mang vũ khí, chất gây cháy, nổ vào cơ quan, các phương tiện vật tư nếu cần mang ra, vào cơ quan phải báo, phải đăng ký trước với người phụ trách bảo vệ.

- Nghiêm cấm người lao động tự ý đưa người, để cho người không phận sự vào nơi làm việc hoặc đi vào nơi làm việc của người khác khi chưa có sự đồng ý của người phụ trách, thủ trưởng đơn vị.

4. Đối với khách ngoài Công ty:

- Khách muốn vào Công ty làm việc, tham quan, thực tập, chụp ảnh, quay phim phải liên hệ trước với Công ty và được Ban Giám đốc Công ty chấp thuận.

- Khách vào Công ty không được mang theo vũ khí, chất gây cháy, nổ, trừ trường hợp công an, bộ đội có giấy phép mang vũ khí.

- Khách không được tự ý đi lại, tiếp xúc với nhân viên, người lao động ngoài nội dung và phạm vi đã đăng ký trước và chưa được Ban giám đốc Công ty chấp thuận.

- Khách không được ở lại trong Công ty sau giờ làm việc, nếu có yêu cầu làm việc ngoài giờ phải được đăng ký, phải được Ban Giám đốc Công ty chấp thuận và phải báo với tổ Bảo vệ Công ty.

Điều 9. Tác phong của Người lao động và trật tự, an ninh nơi làm việc

Trong giờ làm việc, tại nơi làm việc hoặc nơi được phân công đến công tác, Người lao động phải tuân thủ các quy định sau:

1. Có mặt tại nơi làm việc đúng giờ quy định.
2. Thu xếp ngăn nắp gọn gàng, trật tự nơi làm việc, các trang thiết bị phải sạch sẽ, an toàn.
3. Trang phục phù hợp, chỉnh tề, gọn gàng theo quy định của Công ty.
4. Phải có thái độ văn minh, lịch sự, không được đùa nghịch, gây gỗ, lớn tiếng làm mất trật tự ở nơi làm việc hoặc xúc phạm đến người khác.
5. Không được hút thuốc trong phòng làm việc và nơi cấm hút thuốc trong phạm vi Công ty.
6. Không được tự ý đưa người không phận sự vào nơi làm việc khi chưa có sự đồng ý của người phụ trách, thủ trưởng đơn vị. Không được tự ý đến nơi làm việc, ngoài thời gian làm việc hoặc nơi không được phân công.
7. Không làm việc riêng trong giờ làm việc.
8. Không uống rượu, bia trước và trong giờ làm việc; không đến nơi làm việc khi đã uống rượu, bia.
9. Không được tự ý mang các tài liệu, thiết bị, dụng cụ ra, vào cơ quan, nếu cần mang phải báo với thủ trưởng đơn vị và người phụ trách bảo vệ.
10. Không tàng trữ, mua bán, sử dụng các chất ma túy, lưu truyền văn hoá phẩm đồi trụy.

Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Giả mạo, khai man hoặc thỏa thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man bằng cấp chuyên môn, chính trị, ngoại ngữ hoặc yếu tố nhân thân khác.

2. Giả mạo, khai man hoặc thỏa thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán khác.

3. Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, báo cáo sai sự thật, không đúng sự thật.

4. Để ngoài sổ kế toán doanh thu, các khoản thu, khoản được hỗ trợ, tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả của đơn vị, Công ty.

5. Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng tài liệu trước khi kết thúc thời hạn lưu trữ quy định.

6. Mua chuộc, đe dọa, trù dập, ép buộc người làm kế toán thực hiện công việc kế toán không đúng với quy định.

7. Các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật.

III. AN TOÀN LAO ĐỘNG - VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 11. Trách nhiệm của người lao động đối với an toàn lao động - vệ sinh lao động

- Người lao động phải tham gia đầy đủ các buổi tổ chức huấn luyện, hướng dẫn về những quy trình, quy phạm an toàn kỹ thuật, biện pháp làm việc an toàn liên quan đến nhiệm vụ được giao; Chấp hành lịch khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Luật lao động.

- Bảo quản, lau chùi, giữ gìn máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ công tác.

- Thường xuyên thu dọn vệ sinh nơi làm việc, sắp xếp gọn gàng nguyên liệu, phế liệu, sản phẩm vào nơi quy định, đảm bảo an toàn, thoáng mát nơi làm việc.

- Không được nấu ăn, uống tại nơi làm việc, nhà kho, khu vực và thiết bị dễ gây cháy nổ. Không hút thuốc trong phòng làm việc, trong lúc đang vận hành, sản xuất.

- Người lao động phải tuân thủ tuyệt đối nội quy sản xuất, các quy phạm, các tiêu chuẩn về an toàn lao động - vệ sinh lao động. Khi làm việc phải cẩn thận để tránh mọi tai nạn có thể xảy ra.

- Phải sử dụng các trang bị bảo hộ lao động được cấp phát.

- Các phương tiện, thiết bị phải được thường xuyên kiểm tra an toàn. Khi xử lý các trở ngại kỹ thuật, lau chùi, bảo quản các phương tiện, thiết bị phải đảm bảo ngưng hoạt động hoàn toàn.

- Trường hợp phương tiện, thiết bị, môi trường làm việc có nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì người lao động phải kịp thời báo cáo với người phụ trách trực tiếp để có biện pháp khắc phục.

- Phải báo cáo kịp thời với những người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây nguy hiểm đến người và tài sản.

Điều 12. Quyền của người lao động đối với an toàn lao động – vệ sinh lao động

- Người lao động được quyền từ chối làm việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe và tính mạng của mình hoặc những người khác cho tới khi nguy cơ được khắc phục.

- Người lao động khi có bệnh hoặc mệt mỏi được phép xin nghỉ ngơi một thời gian trị bệnh, hồi phục sức khỏe, đảm bảo an toàn cho người và máy móc thiết bị.

Điều 13. Vận hành công trình thủy lợi

Để đảm bảo an toàn khi vận hành công trình người công nhân cần thực hiện đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Quy định chung:

- Người công nhân vận hành phải có đủ sức khỏe, kỹ năng và được đào tạo về kiến thức chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao, định kỳ được kiểm tra sức khỏe.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người trực tiếp làm công tác quản lý vận hành công trình: Quần áo, nón, giày, găng tay, áo phao.

2. Quản lý vận hành trạm bơm điện:

- Trước khi vận hành máy bơm, phải kiểm tra hệ thống tủ điện điều khiển, dây điện động lực, trục quay của động cơ điện có hoạt động bình thường hay không.

- Trong quá trình động cơ hoạt động phải thường xuyên theo dõi, khi phát hiện hiện tượng bất thường hay sự cố xảy ra phải lập tức ấn nút “Dừng khẩn cấp” (EMERGENCY STOP), rồi mới tiến hành kiểm tra.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị điện và đường dây điện.

- Để đảm bảo an toàn cho công nhân vận hành và thiết bị điện, hệ thống vỏ tủ điện điều khiển và vỏ động cơ điện phải được nối đất bảo vệ đúng quy định.

- Đóng mở máy bơm phải đúng quy trình hoạt động của máy, đóng ngắt cầu giao phải dứt khoát, tay phải đeo bao tay cách điện và đứng trên tấm cao su cách điện.

- Khi sửa chữa thiết bị máy móc phải ngắt cầu giao điện, tại cầu giao điện phải treo bảng "Đang sửa chữa, cấm đóng điện".

- Không được tự ý sửa chữa mạng điện, chỉ những thợ điện chuyên trách mới được kiểm tra, sửa chữa.

- Khi có sự cố về điện phải nhanh chóng tắt máy, phải báo ngay cho người có trách nhiệm.

- Không được tháo, lắp các bộ phận che chắn khi tổ máy đang hoạt động.
- Khi tháo lắp động cơ, máy bơm phải dùng palăng, khi nâng thiết bị không được dùng tay để điều chỉnh thiết bị mà phải dùng dây mềm. không được đứng dưới palăng, cầu trục hoặc cạnh dây cáp khi cân lắp thiết bị.

3. Công nhân vận hành cống, đập, điều tiết:

- Vận hành cống, đập phải đúng quy trình được phê duyệt.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị vận hành.
- Khi làm việc trên cao (trên các giàn công tác) phải có dây an toàn, phải có túi đựng đồ nghề, cấm vút, ném dụng cụ đồ nghề hoặc bất cứ vật gì từ trên cao xuống.
- Không sử dụng lan can hoặc thiết bị phòng ngừa khác làm điểm tựa cho kích hoặc palăng.
- Tuyệt đối không được đứng trên đỉnh cửa khi thao tác đóng, mở.
- Khi làm việc trên cao hoặc dưới nước phải có từ 2 người trở lên.
- Khi vận hành cống, người công nhân phải luôn đứng trong phạm vi có lan can bảo vệ, trường hợp không có lan can bảo vệ thì trọng tâm người đứng vận hành phải hướng về phía bờ và phải đeo dây an toàn.
- Khi bảo dưỡng các bộ phận công trình ở trên cao phải làm giàn công tác, khi làm việc phải đeo dây an toàn, mang đầy đủ bảo hộ lao động.
- Đối với các cống lớn có kết hợp giao thông thủy, bộ phải trang bị thiết bị chiếu sáng, đèn cảnh báo, biển báo đảm bảo cho các phương tiện lưu thông an toàn. Hệ thống chiếu sáng phải được lắp đặt hệ thống riêng biệt. Khi sử dụng ca nô cảnh giới phải có ít nhất 2 người trở lên và phải biết bơi, người điều khiển phương tiện phải có chứng nhận theo quy định.
- Khi có mưa, sấm chớp thì các thiết bị có sử dụng điện phải được ngắt khỏi nguồn, công nhân tránh tiếp xúc với các vật dụng bằng kim loại.

4. Kiểm tra kênh, đê bao:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng kênh, đê bao theo đúng quy trình.
- Khi kiểm tra công trình vào ban đêm phải có đèn chiếu sáng và mang đầy đủ trang bị bảo hộ lao động.
- Khi lấy mẫu để tiến hành xét nghiệm chất lượng nước (nhất là ô nhiễm) phải mang đầy đủ dụng cụ lấy mẫu chuyên dụng, khẩu trang, găng tay.
- Khi kiểm tra, bảo dưỡng các mái dốc lớn phải có thiết bị toàn (dây an toàn, giàn công tác).
- Khi có mưa, sấm chớp công nhân tránh tiếp xúc với các vật dụng bằng kim loại.

Điều 14. Đào đất bằng cơ giới (Máy đào, máy xúc, xáng cạp)

- Trước khi đào đất, cán bộ kỹ thuật phải xem xét tình trạng đất của công trình để có biện pháp thi công phù hợp. Trong quá trình đào đất phải thường xuyên theo dõi tình trạng thành vách, nếu có nguy cơ sạt lở phải đưa người và máy ra khỏi vùng nguy hiểm. Kiểm tra an toàn máy móc, gầu, xáng cạp trước khi vận hành.

- Trong thời gian máy đang hoạt động, cấm mọi người đi lại trên máy móc, phương tiện và đứng trên mái dốc cũng như trong phạm vi bán kính máy hoạt động. Mặt nền đặt máy phải bằng phẳng, ổn định. Khi di chuyển máy không được để gầu xúc mang tải, phải đặt gầu dọc theo chiều di chuyển của máy, hạ gầu cách mặt đất 0.5m.

- Cấm người không có nhiệm vụ lên máy. Cấm thay đổi người điều khiển máy khi gầu đang mang tải, chỉ được làm sạch gầu xúc khi đã hạ gầu xuống đất. Cấm mọi người chui vào gầm máy xúc (đào) hoặc đứng gần máy khi máy đang hoạt động.

- Chỉ được di chuyển máy qua cầu hoặc đường ống ngầm sau khi đã kiểm tra tĩnh không cầu, độ sâu ống ngầm và khả năng chịu tải của công trình đó.

- Không được di chuyển hoặc hoạt động gần khu vực có lưới điện cao thế, bảo đảm khoảng cách an toàn ít nhất 5m, tính từ điểm gần nhất giữa máy và lưới điện.

- Khi đổ đất vào thùng xe phải quay gầu ở sàn thùng xe và dùng gầu ở giữa thùng xe, rồi hạ gầu từ từ đổ đất. Cấm công nhân lái xe ngồi trong buồng lái khi máy xúc, xáng cạp đang đổ đất vào thùng xe.

Điều 15. Vận chuyển bằng ô tô

- Trước khi cho xe chạy, người lái xe phải kiểm tra lại hệ thống phanh (thắng) hệ thống tay lái, hệ thống đèn, còi, các chốt hãm giữ thùng ben khỏi bị lệch, khả năng nâng. Cấm người đứng hai bên cửa khi xe đang chạy. Trong phạm vi công trình xe phải chạy tốc độ không lớn hơn 10 km/h (hoặc theo quy định cụ thể trên công trình). Khi công nhân lái xe bị mệt mỏi, có uống rượu bia, thì tuyệt đối không được lái xe.

- Khi xe đang đậu mà máy vẫn nổ thì người lái xe không được rời khỏi xe đi nơi khác. Trước khi rời xe người lái phải tắt máy, kéo thắng tay, gài số, rút chìa khóa điện và khóa cửa lại.

- Khi xe đổ vật liệu xuống hố móng phải cách mép hố một đoạn để bảo đảm an toàn và có gờ chắn để xe không lùi vào quá nơi quy định, gây nguy hiểm.

- Khi xe di chuyển hoặc hoạt động trong khu vực có điện trung, hạ thế nhất thiết phải đảm bảo khoảng cách an toàn từ điểm cao nhất của xe đến lưới điện từ 1m – 3m (tùy loại điện).

Điều 16. An toàn về vận hành máy móc, thiết bị

Để đảm bảo an toàn khi vận hành máy móc, thiết bị công nhân cần thực hiện đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Quy định chung:

- Người công nhân vận hành phải trên 18 tuổi, đủ điều kiện về sức khỏe và được đào tạo về kiến thức chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao, định kỳ được kiểm tra sức khỏe, phải biết thao tác, sử dụng thành thạo và biết xử lý những sự cố phát sinh trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị.

- Được lãnh đạo trực tiếp giao nhiệm vụ mới được phép vận hành máy, không tự ý sử dụng.

- Phải đọc kỹ sổ tay chỉ dẫn chăm sóc và vận hành máy của nhà sản xuất, làm quen với các cơ cấu điều khiển, và sử dụng đúng các thiết bị. Phải biết cách dùng máy, ngắt các bộ phận điều khiển nhanh chóng.

- Đã được đào tạo và có văn bằng hoặc chứng chỉ sử dụng các thiết bị do các tổ chức đào tạo có thẩm quyền cấp.

- Có giấy chứng nhận đã học tập và kiểm tra đạt yêu cầu về kỹ thuật an toàn lao động.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người trực tiếp làm công tác quản lý vận hành máy móc, thiết bị: Đội nón, mang giày bảo hộ, mang kính bảo hộ, mặc quần áo gọn gàng, tay áo phải cài khuy. Không làm việc khi có giông, sấm sét, mưa to hoặc bão.

- Đảm bảo công tác an toàn phòng chống cháy nổ.

- Không được uống rượu bia trước, trong khi làm nhiệm vụ.

2. An toàn lao động về vận hành máy bơm nước:

a) Chuẩn bị trước khi khởi động:

- Kiểm tra sổ giao ca, sổ theo dõi vận hành, sửa chữa những hư hỏng còn tồn tại của ca trước.

- Lau chùi các bộ phận bên ngoài động cơ.

- Kiểm tra kỹ các bộ phận nối ghép bên ngoài máy như: ốc bệ máy, nắp xilanh, các đầu ống nối.

- Kiểm tra và đổ đầy nhiên liệu vào trong thùng, mở khóa nhiên liệu, nếu ống dẫn bị rò rỉ phải tu sửa lại.

- Kiểm tra nước trong hệ thống làm lạnh (mát máy), nếu thiếu phải đổ thêm vào (Chú ý: nước làm lạnh phải sạch, không được dùng nước bẩn, đục).

- Kiểm tra dầu nhờn, mỡ trong các ổ bi của máy bơm và nguồn bơm (Chú ý: lượng mỡ hoặc dầu nhờn cho vào chỉ 2/3 thể tích chỗ chứa mỡ, không được cho quá nhiều).

- Kiểm tra độ đồng tâm giữa trục bơm với động cơ.



- Kiểm tra dây curoa có bị chùng và hư hỏng không, nếu có phải sửa chữa.
- Kiểm tra xem có vật gì dính trong vỏ bơm không bằng cách dùng tay quay thử bánh đà của động cơ với tốc độ chậm xem có nặng quá không, có tiếng kêu bất thường trong bơm không, nếu có phải sửa chữa.
- Dọn dẹp dụng cụ đồ nghề và vật dễ cháy chung quanh máy để khởi động được an toàn.
- Gạt mỡ cần giảm áp (gạt thanh răng để ngừng cung cấp nhiên liệu), quay thử vài vòng để động cơ có dầu bôi trơn đưa vào các mặt công tác. Kiểm tra động cơ quay có nhẹ không, có tiếng kêu bất thường không, nếu có phải sửa chữa.
- Mồi nước vào bơm (đối với máy li tâm) cho tới khi nước trào ra ở lỗ mồi nước ở đỉnh máy bơm; Trong khi mồi quay trục bơm nhẹ nhàng để xả không khí ra.

b) Khởi động máy:

- Sau khi thực hiện đầy đủ các bước chuẩn bị trên mới được phép khởi động máy. Trình tự khởi động máy tùy theo kết cấu từng loại máy.
- Sau khi khởi động cho động cơ chạy ở tốc độ thấp trong thời gian ngắn 10 đến 15 phút để đảm bảo tải trọng ban đầu nhỏ nhất và bôi trơn động cơ. Sau đó từ từ tăng dần số vòng quay động cơ tới vòng quay định mức.
- Khi động cơ đã chạy phải kiểm tra áp suất dầu bôi trơn theo quy định của từng loại máy. Kiểm tra sự hoạt động của hệ thống làm mát máy. Nếu áp suất dầu nhớt không đủ, hệ thống làm mát máy và bôi trơn không hoạt động hoặc nghe tiếng kêu bất thường thì phải lập tức dừng động cơ lại để tìm nguyên nhân và sửa chữa. Sau khi sửa chữa xong mới cho máy tiếp tục chạy.

c) Vận hành máy:

- Phải quan sát việc cung cấp dầu nhớt của bơm dầu cho động cơ, áp suất dầu nhớt khi máy chạy bình thường phải trong phạm vi cho phép của máy. Với những động cơ mới hoặc mới sửa chữa xong, áp suất dầu nhớt phải gần với giới hạn trên. Khi động cơ làm việc được một thời gian 30 phút trở lên thì áp suất dầu nhớt phải ở mức trung bình và nhiệt độ dầu nhớt phải nhỏ hơn 75°C.
- Kiểm tra nhiệt độ ổ bi của máy bơm. Nhiệt độ cho phép không quá 70°C (sờ tay chịu được 15 giây thì nhiệt độ không quá 70°C).
- Theo dõi và điều chỉnh nước làm mát máy động cơ. Nhiệt độ nước làm mát máy động cơ không quá 85°C.
- Quan sát màu sắc của khí thải ở ống xả khí, nếu thấy có màu sắc khác thường phải tìm nguyên nhân và xử lý.
- Trường hợp phải chạy quá tải trong thời gian ngắn, chỉ cho phép động cơ chạy quá tải 10% trong thời gian không quá 1 giờ. Chỉ cho phép những động cơ đã chạy ở công suất định mức 1 giờ mới được quá tải. Khi quá tải động cơ sẽ bị nóng nhanh, nhiệt độ nước làm mát máy vượt quá 85°C.

- Không được phép tăng đột ngột phụ tải động cơ. Động cơ mới phải chạy đủ 50 giờ mới được sử dụng công suất tối đa.

- Động cơ mới sửa chữa sau khi chạy 30 phút phải dừng lại để kiểm tra nhiệt độ ở các ổ trục, kiểm tra các bulông.

- Kiểm tra nhiệt độ các ổ trục, nếu nóng quá phải dừng máy tìm nguyên nhân và sửa chữa. Tuyệt đối không được dùng vải thấm ướt để đắp lên các bộ phận quá nóng.

- Khi động cơ đang chạy, công nhân không được bỏ đi nơi khác, không được giao máy cho người khác hoặc làm việc riêng. Phải chú ý theo dõi máy.

- Phải kiểm tra các khớp nối ở ống hút và ống xả, các khớp nối phải kín không được rò rỉ nước.

* Phải lập tức ngừng máy khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

+ Động cơ bị quá nóng, hoặc bất kỳ một chi tiết nào bị quá nóng.

+ Nhiệt độ nước làm mát máy cao quá 85°C hoặc thấy bốc hơi quá nhiều.

+ Nếu nước làm mát máy thiếu thì phải đợi động cơ nguội mới đổ nước vào.

+ Khi động cơ và guồng bơm có tiếng kêu bất thường.

+ Bất kỳ một chi tiết nào bị gãy vỡ hoặc xảy ra tai nạn.

+ Cơ cấu truyền động làm việc bất bình thường.

- Thường xuyên vớt rác và quan sát mực nước hút, nếu thấp quá mức tối thiểu phải ngừng máy để tránh tình trạng khí thực trong máy bơm.

- Sau khi máy chạy liên tục 8 giờ phải ngừng máy cho nghỉ từ 30 phút đến 1 giờ để máy nguội lại.

d) Ngừng máy:

Khi ngừng máy phải theo các trình tự sau:

- Gạt giảm dần lượng nhiên liệu cung cấp (cần ga) để giảm dần tốc độ của động cơ. Cho động cơ chạy ở tốc độ thấp từ 3-5 phút, gạt tay ga ngừng cung cấp nhiên liệu rồi tắt máy.

- Khi động cơ đó ngừng hẳn phải đưa tay gạt nhiên liệu về vị trí cũ để lò xo khỏi bị nén và lần sau dễ khởi động.

e) Ghi chép nhật ký vận hành:

- Việc ghi chép nhật ký vận hành máy bơm sẽ rất có lợi để giữ cho máy hoạt động tốt bằng việc quan sát các điều kiện vận hành và kiểm tra những sự thay đổi. Việc chuẩn bị bảo dưỡng và thay thế các phụ tùng có thể hoàn thành tốt nhờ việc phát hiện sớm những tình trạng không bình thường khi có sự cố xảy ra.

- Kiểm tra và ghi chép phải được thực hiện định kỳ với khoảng cách từ 1 đến 4 lần trong một ngày tùy thuộc vào chủng loại và việc sử dụng của máy bơm.

f) Bảo dưỡng máy khi ngưng hoạt động thời gian dài:

Khi máy bơm ngưng hoạt động thời gian dài, cần thực hiện những công việc sau:

- Tháo hết nước trong máy bơm.
- Nới lỏng các đệm khít.
- Bôi dầu, nhớt chống rỉ lên bề mặt hờ của máy.
- Định kỳ khởi động cho máy chạy trong khoảng thời gian quy định (Thiết bị chính và dự phòng được luân phiên vận hành để đảm bảo khả năng hoạt động).

3. An toàn lao động về vận hành các loại máy cầm tay:

3.1. An toàn lao động về sử dụng máy mài:

a) Trước khi sử dụng máy mài:

- Phải kiểm tra tình trạng máy; Thân máy, vị trí tay cầm, phần che chắn đá mài, hệ thống dây dẫn điện, nguồn điện cung cấp, nếu tất cả đều đảm bảo chắc chắn máy có thể hoạt động trong điều kiện bình thường thì mới được làm các công việc tiếp theo.

- Chỉ có những công nhân đã qua huấn luyện và có giấy chứng nhận mới được phép lắp đá và điều chỉnh đá mài. Khi chọn đá để gia công phải theo đúng yêu cầu của công nghệ mài.

- Máy phải đặt ở nơi ít người qua lại, xa các vật dễ cháy.

b) Trong khi sử dụng máy mài:

- Cho máy chạy không tải từ 3 đến 5 giây, khi máy chạy đã ổn định mới tiến hành mài; Khi mài phải đưa máy mài vào từ từ, không ấn mạnh, đưa đều tay, đối với chi tiết lớn không dùng đá nhỏ để mài.

- Tốc độ quay của đá không vượt tốc độ ghi ở đá, nếu tốc độ quá lớn, đá sẽ bị chấn động mạnh, lực ly tâm lớn, dễ gây vỡ đá.

- Hai bên đá phải có bích kẹp với chiều dày và đường kính bằng nhau. Giữa đá và bích kẹp phải có vòng đệm đàn hồi (giấy dày, cát tông hoặc da).

- Cấm sử dụng đá bị mẻ, rạn nứt, bị mòn và phần đá còn lại nhỏ hơn 3mm tính từ mép mặt bích máy mài 2 đá. Khi mài các chi tiết có nhiều bụi thì phải có biện pháp phòng bụi như sử dụng thiết bị hút, thổi bụi.

- Khi sử dụng mài phải quan sát, đảm bảo sự an toàn cho những người khác làm việc gần đó. Không gian làm việc phải có diện tích phù hợp, không sử dụng máy mài gần các vật dễ cháy nổ.

- Không dùng búa thép để gõ, điều chỉnh đá mài. Khi máy mài làm việc không được đứng đối diện với phần hờ của hộp bao che đá.

- Không được xách máy bằng dây nguồn hoặc dùng dây nguồn cột, kéo vật khác. Phải cắt nguồn điện khi di chuyển máy từ nơi này đến nơi khác, tháo lắp chi tiết, điều chỉnh chi tiết, sửa chữa máy, khi bị mất điện.

c) Sau khi sử dụng máy mài:

- Phải ngắt hoàn toàn máy ra khỏi bộ phận dẫn điện, kiểm tra đá, thu gom dây dẫn điện, sắp xếp gọn gàng.

- Đá mài phải được bảo quản ở nơi khô ráo, không được để chung với kho chứa axit và các chất ăn mòn.

- Máy phải được bảo quản nơi khô ráo, đặt trên giá, giàn, ngăn, kệ hay cất giữ trong hộp. Không được xếp chồng máy lên nhau hoặc để máy mài chung với các vật dụng khác, nhất là các vật dụng bằng kim loại và các vật dễ gây cháy nổ.

- Kiểm định, bảo trì máy đúng thời hạn quy định của nhà sản xuất.

3.2. An toàn về sử dụng máy khoan:

a) Trước khi sử dụng máy khoan:

- Trước khi làm việc phải kiểm tra đầu cặp, áo khoan phải kẹp chặt mũi khoan, không được sử dụng áo khoan, đầu cặp có hiện tượng hư hỏng, mũi khoan chưa được kẹp chặt, tình trạng an toàn của máy, cho máy chạy thử không tải.

- Kiểm tra kỹ phần đuôi côn của mũi khoan, nếu phần đuôi côn bị xước, mòn vẹt thì phải loại bỏ, thay mũi khoan mới.

b) Khi sử dụng máy khoan:

- Các chi tiết khoan phải kẹp chặt trực tiếp hay bằng bộ gá xuống máy. Cầm dùng tay giữ chi tiết cần khoan. Khi khoan phải cho mũi khoan ăn từ từ, muốn thay đổi tốc độ phải dùng hẳn máy.

- Khi máy đang chạy không được dùng miệng để thổi hoặc dùng tay gỡ phoi hoặc dùng tay hãm trực chính. Không sử dụng máy khoan khi hỏng phích cắm, dây điện hoặc ống bảo vệ dây. Không để máy nối với nguồn điện khi không có người trông coi.

- Cấm sử dụng các mũi khoan cùn, có hiện tượng rạn nứt. Khi thay mũi khoan phải cho máy dừng hẳn. Muốn khoan lỗ to, nên khoan lỗ nhỏ trước sau đó khoan rộng thêm. Khoan tấm mỏng phải lót ván gỗ bên dưới.

- Đối với khoan tay khi làm việc ngoài hiện trường nhất là khi làm việc ở trên cao, dưới cống, trong thùng bằng kim loại, phải có chỗ đứng ổn định, chắc chắn. Nếu thấy vị trí đứng làm việc không đảm bảo an toàn thì tạm ngưng và tìm biện pháp khác để đảm bảo an toàn. Sử dụng máy ở nơi nguy hiểm về điện phải có người giám sát và trực điện.

c) Sau khi sử dụng máy khoan:

- Phải ngắt hoàn toàn máy ra khỏi bộ phận dẫn điện, kiểm tra đá, thu gom dây dẫn điện, sắp xếp gọn gàng. Mũi khoan phải được bảo quản ở nơi khô ráo, không được để chung với kho chứa axit và các chất ăn mòn.

- Máy phải được bảo quản nơi khô ráo, đặt trên giá, giàn, ngăn, kệ hay cất giữ trong hộp. Không được xếp chồng máy lên nhau hoặc để máy khoan chung với các vật dụng khác, nhất là các vật dụng bằng kim loại và các vật dễ gây cháy nổ.

- Kiểm định, bảo trì máy đúng thời hạn quy định của nhà sản xuất.

3.3. An toàn lao động về vận hành máy cắt cỏ:

a) Trước khi vận hành máy cắt cỏ:

- Kiểm tra nhiên liệu, máy, lưỡi cắt và các bộ phận khác, nếu đảm bảo an toàn thì mới khởi động máy.

- Kiểm tra toàn bộ khu vực sử dụng thiết bị máy cắt cỏ, loại bỏ tất cả các vật cản, các chướng ngại vật.

- Thận trọng khi sử dụng nhiên liệu, chất dễ bắt lửa:

+ Sử dụng thùng chứa và vận chuyển nhiên liệu đã được kiểm tra cho phép.

+ Nạp nhiên liệu vào thùng chứa ở nơi thoáng mát, không nạp nhiên liệu ở trong nhà kín.

+ Khi nạp nhiên liệu phải đảm bảo tuyệt đối an toàn. Không được nạp nhiên liệu gần những nơi có nguy cơ dẫn đến cháy nổ.

+ Đậy nắp kín và chắc chắn sau khi nạp xăng, nhớt vào bình chứa, lau sạch nhiên liệu dây rớt ra ngoài trước khi khởi động động cơ.

+ Công nhân sử dụng máy không được hút thuốc lá trong quá trình vận hành máy, đặc biệt khi nạp nhiên liệu máy.

b) Trong quá trình điều khiển máy cắt cỏ:

- Khi khởi động máy phải đặt lưỡi cắt ở vị trí an toàn nhất, không được chạm đất, tránh xa các công cụ dụng cụ khác.

- Không để tay hoặc chân gần hoặc dưới các chi tiết đang quay.

- Không thực hiện bất kỳ điều chỉnh nào khi động cơ đang chạy (trừ khi có yêu cầu đặc biệt và hướng dẫn của nhà chế tạo).

- Không nạp nhiên liệu vào bình chứa khi động cơ đang nóng hoặc đang làm việc.

- Phải tắt máy, lường trước các nguy hiểm tiềm ẩn như xe cộ trên đường khi đi ngang qua đường giao thông hoặc những vị trí địa hình khó đi, có nhiều đá, sỏi.

- Sau khi va vào vật lạ phải dừng động cơ, kiểm tra sửa chữa bất kỳ hỏng hóc nào trước khi tiếp tục công việc.

- Luôn đảm bảo sao cho không bị trượt chân, ngã trong quá trình vận hành máy.

- Nếu phát hiện máy cắt cỏ rung không bình thường, phải dừng động cơ và kiểm tra phát hiện nguyên nhân và tìm biện pháp khắc phục.

- Tắt động cơ, bảo đảm chắc chắn tất cả các chi tiết quay đã ngưng hoạt động trước khi tiến hành các công việc làm sạch, sửa chữa và kiểm tra máy.

- Không vận hành máy cắt cỏ nếu không có hoặc không lắp các thiết bị bảo vệ an toàn của nhà sản xuất.

- Không cho người và vật huồi đến gần khu vực đang vận hành máy.

- Không cho máy làm việc quá công suất, cắt các cây gỗ cứng hoặc quay quá lâu ở tốc độ cao. Chỉ được dùng máy để cắt cỏ hoặc các loài cây thân mềm tương đương cỏ.

- Không cho phép người ngoài/không phận sự tiếp cận máy cắt cỏ.

- Thường xuyên kiểm tra nhiên liệu, không để máy hết nhiên liệu khi đang hoạt động.

c) Sau khi vận hành máy cắt cỏ:

- Kiểm tra định kỳ xiết chặt hợp lý các bu lông chịu cắt, bu lông treo động cơ và các bu lông khác để đảm bảo điều kiện làm việc an toàn.

- Cất giữ máy trong nhà kho, cách xa nguồn phát sinh tia lửa. Để nguội máy trước khi đưa vào kho kín cất giữ.

- Phải tuân thủ các chỉ dẫn của nhà chế tạo khi bảo quản máy cắt cỏ trong kho trong thời gian kéo dài.

- Sau mỗi ngày vận hành xong phải vệ sinh máy cắt cỏ và các thiết bị liên quan sạch sẽ, để chuẩn bị phục vụ cho các lần sử dụng tiếp theo.

3.4. An toàn lao động về vận hành máy đào:

a) Trước khi vận hành máy đào:

- Phải kiểm tra các bộ phận của máy đào như: Động cơ, đèn, còi, hệ thống thủy lực, bánh xích, các kết cấu cơ khí, cơ cấu điều khiển, nếu các bộ phận đảm bảo máy có thể hoạt động bình thường thì mới tiến hành các bước tiếp theo.

- Cung cấp nhiên liệu đảm bảo đủ để máy hoạt động ít nhất trong một ca máy.

- Kiểm tra địa hình, địa chất khu vực dự kiến sẽ di chuyển máy để hoạt động, nếu thấy địa hình phức tạp thì cần có phương án vận hành phù hợp, đảm bảo an toàn cho xe máy đào, người lái và những người xung quanh.

- Trước khi khởi động động cơ và các bộ phận máy phải bật các tín hiệu đề phòng (ví dụ nhấn chuông, còi báo) để mọi người xung quanh biết. Mọi người không được đứng trong phạm vi di chuyển hoặc quay của cần xúc.

b) Trong khi sử dụng máy đào:

- Người vận hành máy đào chịu trách nhiệm về tình trạng an toàn của thiết bị và sự bảo hộ lao động an toàn của những người làm việc trong vùng bị ảnh

hường. Phải ngừng hoạt động khi quan sát điều kiện không được bảo hộ lao động an toàn.

- Thợ lái máy phải thường xuyên chú ý tới vị trí đang đứng làm việc. Nếu có hiện tượng sụt lở thì phải di chuyển máy ra nơi an toàn và báo cho cán bộ chỉ huy trực tiếp biết để có biện pháp xử lý.

- Khi di chuyển máy phải nâng gầu xúc cách mặt đất tối thiểu 50cm và quay cần trùng với hướng đi.

- Khi di chuyển máy hay làm việc ở khu vực có địa hình phức tạp hoặc thường xuyên có người đi qua thì phải có biển báo công trình đang thi công và có người canh gác, chỉ đường suốt trong quá trình làm việc.

- Khi làm việc ban đêm thì máy phải có đèn trước, đèn sau; khu vực máy hoạt động phải có đèn chiếu sáng, nếu ánh sáng thiếu không được làm việc.

- Máy đào làm việc ở những nơi có đường dây điện hoặc trong phạm vi nguy hiểm của đường dây điện thì phải liên hệ với cơ quan quản lý đường dây và phải được sự đồng ý của cơ quan đó.

- Khi đang làm việc nếu thấy có dây điện ngầm, hầm hồ, mỏ mả hoặc các hiện tượng khả nghi khác thì không được cho máy làm việc tại đó mà phải kịp thời báo cho cán bộ phụ trách biết.

- Máy đào đất khi nghỉ việc, khi làm việc hoặc di chuyển ở cạnh mép hố thì phải cách mép hố tối thiểu một khoảng cách an toàn. Trường hợp đặc biệt máy phải đứng làm việc mà không đảm bảo được khoảng cách quy định này thì phải chống đỡ dựa vào cơ sở tính toán.

- Trong trường hợp kết hợp sử dụng máy đào để nâng vật liệu hoặc các vật dụng khác cần căn cứ vào bảng tải trọng nâng cho phép của máy đào xác định khoảng cách nâng và tải trọng nâng phù hợp. Tải nâng phải được buộc chắn chắn và cân bằng khi nâng.

- Nếu đào đất hoặc các vật liệu khác đổ lên xe tải để vận chuyển đi nơi khác thì phải điều khiển để gầu xúc đổ vật liệu vào đúng tâm xe vận tải. Không được đưa gầu xúc qua buồn lái, không được để gầu xúc cao cách đáy thùng xe quá 1m, không được làm va chạm vào thành xe. Dung lượng của thùng xe vận chuyển phải lớn hơn dung lượng của gầu xúc.

- Khi máy đang hoạt động không được rời nơi làm việc.

- Khi sửa chữa, nạo rửa gầu máy đào phải hạ gầu xuống sát đất, cấm treo lơ lửng.

c) Sau khi sử dụng máy đào:

- Khi máy không làm việc dù trong một thời gian ngắn cũng phải hạ gầu xuống đất. Nếu máy nghỉ một thời gian dài thì phải chuyển máy tới nơi an toàn, hạ gầu xuống sát đất, tắt máy, ngắt điện, khóa cửa buồng máy.

- Khi di chuyển xe đào lên phương tiện vận chuyển phải chèn bánh phương tiện vận chuyển và sử dụng gầu để hỗ trợ. Trong khi vận chuyển máy đào bằng xe kéo, không để người ngồi trên máy đào.

- Cán bộ, công nhân được giao nhiệm vụ trực trông máy tuyệt đối không được bỏ máy, không được uống rượu bia hoặc các hoạt động khác ảnh hưởng đến an toàn máy và thiết bị. Nếu để xảy ra mất mát từ những lý do trên thì người được phân công trực ca đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Trong thời gian tập kết máy về bến bãi để bảo quản trước khi sử dụng máy ở những công việc tiếp theo, thợ lái phải vệ sinh máy sạch sẽ, để máy nơi thoáng mát an toàn, kiểm tra khả năng hoạt động của máy nếu có hiện tượng hư hỏng thiết bị thì phải báo cán bộ phụ trách trực tiếp và đề xuất phương án khắc phục.

3.5. An toàn lao động về vận hành máy khoan phụt:

a) An toàn lao động:

- Đội nón, mang giày bảo hộ, mang găng tay khi khoan.
- Không làm việc khi có giông, sét, mưa to hoặc bão.
- Không được đứng dưới cần cẩu khi đang di chuyển máy từ xe vận chuyển xuống vị trí lắp đặt và ngược lại.

- An toàn khi lắp đặt thiết bị:

- + Chuẩn bị mặt bằng và khu vực khoan.
- + Không đặt thiết bị khoan ở sườn dốc.

+ Đảm bảo khoảng cách nhỏ nhất từ máy khoan đến nhà ở, nhà xưởng, đường dây điện hạ thế bằng 1,5 lần chiều cao tháp khoan, riêng đối với đường dây điện trung thế và cao thế phải tuân thủ đúng quy định về khoảng cách an toàn của ngành điện.

- Đảm bảo công tác an toàn phòng chống cháy nổ.

- Lắp đặt biển báo Công trường đang thi công ở hai bên khu vực đang khoan phụt sao cho khoảng cách từ vị trí đang thi công tới biển báo mỗi bên khoảng (50÷70)m.

b) Trước khi vận hành máy khoan phụt:

- Kiểm tra vị trí đặt máy khoan phụt phải đảm bảo đúng quy định.
- Người không có nhiệm vụ thì không được đến gần khu vực công trường đang thi công.

- Sau khi lắp đặt xong tất cả các đường ống dẫn vữa và nước có áp phải thử sức chịu áp với áp lực bằng 1,5 lần áp lực làm việc tối đa trước khi thi công chính thức.

- Các đoạn ống mềm có áp phải được nối với các ống khác bằng các liên kết có thể tháo lắp nhanh.

- Kiểm tra nhiên liệu đảm bảo đủ để máy vận hành trong suốt thời gian làm việc.

- Kiểm tra máy nổ, dây curoa, ống dẫn vữa và các thiết bị khác phải đảm bảo an toàn trước khi vận hành.

c) Trong quá trình khoan phụt:

- Khi khởi động các máy bơm phụt phải mở hoàn toàn van ở đường ống dẫn vữa.

- Không được hiệu chỉnh, bôi dầu mỡ và sửa chữa các máy khoan phụt khi máy đang vận hành.

- Không được dùng thước đo lượng vữa trong thùng khi máy còn hoạt động, chỉ được tiến hành đo lượng vữa trong thùng trộn bằng thước khi dùng hân máy trộn.

- Thùng trộn vữa phải lắp đặt lưới thép ở phía trên để đảm bảo an toàn cho người lao động khi cung cấp bột sét, xi măng và các vật tư khác cho máy trộn vữa.

- Không được khoan tạo lỗ tràn lan, trước khi khoan tạo lỗ phải dựa trên năng suất thi công của thiết bị khoan phụt vữa mà khoan tạo lỗ đủ để phụt vữa trong một ngày.

- Không được sử dụng các vật dễ gây cháy nổ trong khu vực khoan phụt.

- Không được hút thuốc lá khi đang vận hành máy khoan phụt.

- Không được bỏ máy khi đang vận hành.

- Khi thi công phải đảm bảo áp lực phụt trên đồng hồ đo áp (P_{TK}) nhỏ hơn áp lực phụt cực hạn $[P]$ theo thiết kế. Thường xuyên kiểm tra hiện trường xung quanh khu vực khoan phụt, nếu có hiện tượng nứt bờ kênh hoặc vượt quá áp lực cho phép thì phải ngưng ngay để xử lý hoặc đề xuất xử lý.

- Trong quá trình thi công nếu xảy ra sự cố ảnh hưởng xấu đến an toàn bờ kênh, bộ phận thi công phải dừng thi công và báo ngay với lãnh đạo cấp trên để có phương án xử lý. Trong thời gian chờ ý kiến của cấp trên bộ phận thi công phải có phương án bảo vệ an toàn bờ kênh.

- Các thiết bị khoan phụt và trộn dung dịch vữa đặt trên mặt đất phải che chắn đảm bảo yêu cầu về ổn định và chống mưa gió.

- Tất cả các phần lộ ra ngoài và các phần chuyển động của máy móc thiết bị phụt phải được che chắn không cho các vật lạ rơi vào làm hư hỏng và gây thương tật cho con người.

- Động cơ, thiết bị khởi động và các máy khoan phụt phải được che chắn, bảo vệ không để nước và vữa rơi vào.

- Khi phụt vữa cần theo dõi sự ổn định của vị trí nút, nếu thấy nút bị bật ra khỏi hố khoan thì phải ngừng phụt để đặt lại nút.

- Việc tháo dỡ các đường ống dẫn chính, máy bơm, đặt nút chỉ được tiến hành khi không còn áp lực trong hệ thống.

d) Sau khi khoan phụt:

- Sau khi phụt vừa xong một lỗ khoan, trong vòng 24 giờ phải lấp lỗ khoan theo đúng quy định hiện hành.

- Không được để các nhiên liệu dễ cháy như dầu mỡ và các chất độc hại trong khu vực đặt các thiết bị phụt và trộn vữa.

- Làm sạch bùn và nước xung quanh miệng lỗ khoan.

- Chú ý đến công tác bảo vệ môi trường:

+ Không vứt rác, phế thải xung quanh khu vực khoan phụt, phải thu gom vận chuyển đến nơi quy định.

+ Không để dung dịch khoan tràn ra ngoài.

+ San lấp và phục hồi mặt bằng khi di dời.

- Sau khi khoan phụt xong phải vệ sinh máy khoan phụt và các thiết bị liên quan sạch sẽ, bảo quản nơi khô ráo để đảm bảo độ bền của máy chuẩn bị phục vụ cho các đợt thi công tiếp theo.

3.6. Sử dụng máy đóng cọc, ép cọc:

- Máy đóng cọc phải đặt trên nền bằng phẳng, ổn định.

- Khi xây dựng, lắp và tháo máy đóng cọc phải có cán bộ kỹ thuật giám sát.

- Trước khi làm việc phải kiểm tra tình trạng kỹ thuật của từng bộ phận rung (chấn động).

- Máy phải được đặt trên nền đất ổn định bằng phẳng.

- Khi cần cần gác cọc lên giá máy đóng cọc không được để người lao động lên xuống, đi lại trên giá.

- Dụng cụ và đặt thiết bị đóng cọc phải tiến hành liên tục đến khi đưa vào vị trí ổn định.

Điều 17. An toàn về điện và sử dụng các thiết bị điện

1. An toàn về điện:

- Công nhân vận hành các thiết bị điện phải nắm vững kỹ thuật an toàn điện, đồng thời phải biết cứu chữa người bị điện giật.

- Các dây dẫn phục vụ thi công phải là dây bọc cách điện và được mắc trên các cọc, giá đỡ chắc chắn ở độ cao ít nhất 2,5 m (nếu không có xe máy qua lại) đối với mặt bằng thi công, 5 m đối với nơi có xe cộ qua lại. Đèn chiếu sáng phải treo cách sàn thi công là 2,5 m, đuôi đèn phải được dùng bằng nhựa hoặc bằng sứ, không được tháo lắp bóng điện khi chưa ngắt điện.

- Các đèn chiếu sáng phải đặt ở độ cao và góc nghiêng phù hợp để không làm chói mắt do tia sáng trực tiếp từ đèn phát ra.

- Không sử dụng thiết bị ngắt điện bảo vệ, dây dẫn điện kém chất lượng trong công trình thi công.

- Không để các thiết bị phát nhiệt, vật liệu dễ cháy, nổ gần nguồn điện đang hoạt động.

- Cấm để dây điện thi công và các dây điện hàn tiếp xúc với bộ phận dẫn điện của kết cấu công trình.

- Không được sửa chữa, tháo, nối các dây dẫn và làm các công việc có liên quan trên dây tải điện khi đang có điện áp.

- Những nơi có khả năng nguy hiểm về điện phải có biển báo.

- Không xây dựng nhà ở, các công trình phụ trong hành lang an toàn của lưới điện.

2. An toàn về sử dụng máy phát điện:

a) Trước khi vận hành máy phát điện.

- Kiểm tra các quy phạm an toàn về máy và thông báo cho người xung quanh khu vực vận hành. Phải luôn đảm bảo tình trạng máy phát đã được kiểm tra đầy đủ trước khi khởi động.

- Trước khi khởi động máy phải kiểm tra lượng nhiên liệu đảm bảo máy hoạt động liên tục, nếu không đủ phải châm thêm vào. Rút que thăm nhớt ra, chùi sạch nhớt bám trên que, lắp vào trở lại sau đó rút ra một lần nữa. Nếu mức nhớt nằm trong giới hạn trên và dưới là chấp nhận được. Nếu nhớt thiếu phải châm đầy giới hạn trên. Cũng cần kiểm tra nhớt có bị đổi màu hoặc có bị quá dơ hay không. Nếu có thì tiến hành thay nhớt mới ngay sau khi vận hành.

- Kiểm tra bằng mắt xem dây đai có bị nứt, mòn hoặc bị đứt hay không? Nếu có phải thay ngay dây mới.

- Kiểm tra mực nước làm mát động cơ, kiểm tra mức nhiên liệu trong thùng chứa. Kiểm tra lọc gió & bộ hiển thị báo khi lọc gió bị dơ.

- Mở tất cả các van dẫn nhiên liệu đến máy và từ máy về thùng chứa nhiên liệu (nếu có). Kiểm tra điện áp bình acquy, dung dịch Acid, các mối nối dây điện và khoảng cách giữa các chi tiết chuyển động với các chi tiết cố định.

b) Trong khi sử dụng máy phát điện:

- Không được tháo nước nắp két nước khi máy quá nóng, hơi nước ở nhiệt độ cao. Loại nước làm mát phải là nước sạch, nước máy hoặc nước giếng không có phèn, bùn đất, chất cặn bã.

- Phải định kỳ kiểm tra điện trở cách điện ở máy đang vận hành sao cho trị số của chúng không nhỏ hơn trị số quy định ở cả hai trạng thái nóng và nguội. Nếu cách điện của máy phát không bảo đảm phải sấy lại, trong khi sấy nhiệt độ cao nhất ở bất kỳ chỗ nào của máy cũng không được vượt quá 80°C.

- Phải ngừng máy phát ngay và báo cáo lên trên đề xin ý kiến chỉ đạo khắc phục trong các trường hợp sau:

+ Nhiệt độ dầu và nước hoặc của ổ bi và máy phát điện tăng quá giới hạn cho phép.

+ Áp suất vượt quá trị số giới hạn.

+ Tốc độ quay tăng hay giảm quá mức quy định.

+ Có tiếng gõ và tiếng khua kim khí hoặc rung ngày càng tăng.

+ Xuất hiện tia lửa hoặc khói trong máy phát điện.

+ Phóng điện quá nhiều và không bình thường của chổi than và cổ góp.

- Việc khắc phục sự cố chỉ có thể thực hiện khi đã ngừng máy và loại trừ hoàn toàn khả năng có thể hoạt động trở lại một cách ngẫu nhiên của nó. Sau khi sửa xong trước khi đóng cacte phải tin chắc không bỏ quên trong thiết bị các vật lạ, công cụ, dụng cụ làm việc.

- Cấm hút thuốc và sử dụng ngọn lửa hở để soi kiểm tra mức nhiên liệu.

- Không cho phép rò rỉ dầu và nhiên liệu, nếu phát hiện rò rỉ phải khắc phục ngay mới được cho máy hoạt động tiếp. Không được phát hiện các vị trí rò rỉ trên ống phun bằng cách sờ mó bằng tay.

- Các hồ dầu ở trạm phát điện dự phòng phải có nắp đậy hoặc rào chắn để người không bị rơi xuống, nền trạm phải khô ráo, không có dầu mỡ vương vãi.- Không cho để các chất dễ cháy gần các thiết bị điện.

- Không được để các vật cản trên lối thoát dự phòng, chỗ làm việc phải trật tự, ngăn nắp.

- Khi đóng và ngắt thực hiện ở trên cao hay trong những điều kiện khó khăn thì công việc đó phải tiến hành với sự hiện diện của người thứ hai với tư cách là người giám sát.

c) Sau khi sử dụng máy phát điện:

- Khi dùng máy phát điện phải cắt tải, giảm tốc độ động cơ từ từ đến tốc độ tối thiểu và cho tiếp tục làm việc một thời gian trước khi ngừng hẳn cho đến khi nhiệt độ nước làm mát đã đạt 50-60°C.

- Khi kết thúc ca làm việc phải bàn giao ca theo đúng thủ tục quy định, làm vệ sinh cá nhân trước khi ra về.

3. An toàn về sử dụng máy hàn điện:

- Đảm bảo an toàn về điện khi vận hành các máy hàn.

- Đối với các loại máy hàn có công suất lớn, chúng ta phải dùng dây dẫn điện đúng tải để đảm bảo an toàn.

- Vỏ máy hàn phải được nối đất bảo vệ để đảm bảo an toàn.

- Trang bị đủ ủng, găng tay, kiếng che mắt, che mặt khi hàn.

Điều 18. An toàn thi công móng, tường

1. Xây móng:

- Trước và trong quá trình xây móng phải thường xuyên kiểm tra tình trạng thành vách, hồ móng, đặc biệt trong mùa mưa phải chú ý hiện tượng sạt lở mái. Công nhân lên xuống hồ móng phải có biện pháp để phòng trượt ngã.

- Không được đứng trên thành hồ móng để đổ vật liệu xuống. Cấm mọi người ăn, nghỉ ở hồ móng. Không làm việc dưới hồ móng sâu quá 2m lúc trời mưa to.

2. Xây tường:

Khi xây tới độ cao 1,5 m phải bắt đà, giàn giáo hoặc giá đỡ theo quy định.

Cấm: - Đứng trên mặt tường để xây.

- Đi lại trên mặt tường.

- Đứng trên mái để xây.

- Dựng thang vào tường mới xây để lên xuống.

Khi xây nếu trời có mưa to, giông gió lớn phải che đậy, để khỏi bị xói lở hoặc đổ sập.

Đặt và cố định lanh tô hoặc cầu kiện đúc sẵn khác phải theo đúng thiết kế.

Điều 19. Hoạt động của xí nghiệp Cấp nước

Tuân thủ và chấp hành các quy định trong công tác quản lý và vận hành hệ thống các Trạm cấp nước:

1. Đối với công tác vận hành máy bơm điện:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị điện.

- Đóng mở máy bơm phải đúng quy trình hoạt động của máy, đóng ngắt cầu dao phải dứt khoát, tay phải đeo bao tay cách điện, mang giày cách điện hoặc đứng trên tấm cao su cách điện.

- Khi sửa chữa thiết bị máy móc phải cắt cầu dao điện, tại cầu giao điện phải treo bảng "Đang sửa chữa, cấm đóng điện".

- Không được tự ý sửa chữa mạng điện, chỉ những thợ điện chuyên trách mới được kiểm tra, sửa chữa.

- Khi có sự cố về điện phải nhanh chóng tắt máy, phải báo ngay cho người có trách nhiệm.

- Không được tháo, lắp các bộ phận che chắn khi tổ máy đang hoạt động.

- Khi tháo lắp động cơ, máy bơm phải dùng palăng, khi nâng thiết bị không được dùng tay để điều chỉnh thiết bị mà phải dùng dây mềm. không được đứng dưới palăng, cầu trục hoặc cạnh dây cáp khi cân lắp thiết bị.

2. Trong công tác sửa chữa lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước, trong các giai đoạn thi công phải tuân thủ các quy chuẩn quy định liên quan về an toàn trong công tác đào đất bằng cơ giới (Điều 13). Thường xuyên theo dõi tình trạng

thành vách hồ đào, cảnh báo kịp thời nguy cơ đất hồ đào bị nhão do nước trong đường ống thoát ra gây sạt lở.

3. Tuân thủ tuyệt đối các yêu cầu cụ thể của quy trình công nghệ xử lý đặc thù của từng Trạm cấp nước; các quy định về an toàn vệ sinh dịch tễ trong quá trình sản xuất do các Bộ ngành chức năng quy định.

4. Trước và trong quá trình vận hành trạm, người lao động phải thực hiện công tác kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị, hệ thống điện, hệ thống pha trộn hóa chất (clor, soda), các máy nén khí và hệ thống xử lý nước bảo đảm an toàn - vệ sinh lao động đồng thời bảo đảm được lưu lượng và chất lượng nước cấp.

5. Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả nguồn nước khai thác, thực hiện đúng quy trình trong công tác lưu trữ bảo quản chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất.

IV. PHÒNG, CHỐNG QUẤY RỐI TÌNH DỤC TẠI NƠI LÀM VIỆC; TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XỬ LÝ HÀNH VI QUẤY RỐI TÌNH DỤC TẠI NƠI LÀM VIỆC

Điều 20. Trách nhiệm, nghĩa vụ phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc

1. Người sử dụng lao động có nghĩa vụ:

a) Thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và quy định về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc cho người lao động;

c) Khi xuất hiện khiếu nại, tố cáo về hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc, người sử dụng lao động phải kịp thời ngăn chặn, xử lý và có biện pháp bảo vệ bí mật, danh dự, uy tín, nhân phẩm, an toàn cho nạn nhân bị quấy rối tình dục, người khiếu nại, tố cáo và người bị khiếu nại, bị tố cáo.

2. Người lao động có nghĩa vụ:

a) Thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

b) Tham gia xây dựng môi trường làm việc không có quấy rối tình dục;

c) Ngăn cản, tố cáo hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

3. Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở có trách nhiệm:

a) Tham gia xây dựng, thực hiện, giám sát việc thực hiện các quy định về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

b) Cung cấp thông tin, tư vấn và đại diện cho người lao động bị quấy rối tình dục, người lao động đang bị khiếu nại, bị tố cáo có hành vi quấy rối tình dục;

c) Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn quy định về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

4. Khuyến khích người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở lựa chọn nội dung về phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc để tiến hành thương lượng tập thể.

Điều 21. Các hành vi được coi là quấy rối tình dục

1. Khái niệm về quấy rối tình dục tại nơi làm việc

- Quấy rối tình dục tại nơi làm việc là hành vi có tính chất tình dục của bất kỳ người nào đối với người khác tại nơi làm việc mà không được người đó mong muốn hoặc chấp nhận. Nơi làm việc là bất kỳ nơi nào mà người lao động thực tế làm việc theo thỏa thuận hoặc phân công của người sử dụng lao động.

Quấy rối tình dục dưới dạng trao đổi như đề nghị, yêu cầu, gợi ý, đe dọa, ép buộc đòi quan hệ tình dục lấy bất kỳ lợi ích nào liên quan đến công việc của người lao động; hoặc những hành vi có tính chất tình dục không nhằm mục đích trao đổi, nhưng khiến môi trường làm việc trở nên khó chịu và bất an, gây tổn hại về thể chất, tinh thần, hiệu quả công việc và cuộc sống của người bị quấy rối.

2. Hành vi không được coi là hành vi quấy rối tình dục

Những lời khen hoặc khích lệ thông thường được chấp nhận hoặc phù hợp về mặt văn hóa, xã hội không bị coi là hành vi quấy rối tình dục. Hành vi giao cấu đồng thuận (trừ hành vi pháp luật cấm như giao cấu với trẻ em, giao cấu với người chưa thành niên...), tiếp nhận hay đáp lại đều không được xem là hành vi quấy rối tình dục.

3. Các hình thức quấy rối tình dục

Quấy rối tình dục tại nơi làm việc có thể là hành vi liên quan đến thể chất, lời nói hoặc phi lời nói, bao gồm những nội dung chủ yếu như sau:

a) Hành vi mang tính thể chất gồm hành động, cử chỉ, tiếp xúc, tác động vào cơ thể mang tính tình dục hoặc gợi ý tình dục;

b) Quấy rối tình dục bằng lời nói gồm lời nói trực tiếp, qua điện thoại hoặc qua phương tiện điện tử có nội dung tình dục hoặc có ngụ ý tình dục;

c) Quấy rối tình dục phi lời nói gồm ngôn ngữ cơ thể; trưng bày, miêu tả tài liệu trực quan về tình dục hoặc liên quan đến hoạt động tình dục trực tiếp hoặc qua phương tiện điện tử.

Điều 22. Quy định về phòng, chống quấy rối tình dục

1. Nghiêm cấm hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc như đã nêu tại điều 21 bản Nội quy lao động này;

2. Tất cả các sự việc được báo cáo hoặc nghi ngờ sẽ được kiểm tra và theo dõi một cách thích hợp theo quy trình khiếu nại của Công ty.

3. Bất kỳ hành vi nào vi phạm chính sách này hoặc các quy định liên quan tới chính sách này đều phải nhận một hình thức kỷ luật tương ứng với hành vi vi phạm đó, bao gồm cả hình thức kỷ luật chấm dứt hợp đồng lao động.

4. Hành vi vi phạm này cũng có thể dẫn đến việc bồi thường vật chất hoặc các hình phạt khác theo quy định của pháp luật và nội quy Công ty đối với những cá nhân chịu trách nhiệm.

Điều 23. Nguyên tắc giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi quấy rối tình dục

1. Nhanh chóng, kịp thời.

2. Bảo vệ bí mật, danh dự, uy tín, nhân phẩm, an toàn cho nạn nhân bị quấy rối tình dục, người khiếu nại, tố cáo và người bị khiếu nại, bị tố cáo.

Điều 24. Trình tự, thủ tục xử lý hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc

1. Đối với Công ty

a) Tất cả người lao động làm việc tại Công ty cho rằng mình là nạn nhân bị quấy rối tình dục phải ngay lập tức báo cho Phòng Tổ chức- Hành chính.

b) Công ty sẽ không chấp nhận đối với hành động trả thù người đã khiếu nại, tố cáo về hành vi quấy rối tình dục. Công ty có trách nhiệm tiến hành các bước cần thiết để đảm bảo rằng vấn đề này được kiểm tra, xác minh triệt để và giải quyết nhanh chóng. Nếu lời tố cáo được xác định là có căn cứ rõ ràng, công ty sẽ thực hiện các biện pháp tức thì và hiệu quả để chấm dứt hành vi không mong muốn này.

c) Công ty cam kết sẽ hành động nếu nhận thấy có thể có tình trạng quấy rối tình dục tại nơi làm việc, ngay cả khi không có đơn khiếu nại hay tố cáo chính thức, công ty cũng cam kết đảm bảo rằng tất cả kiểm tra, xác minh về quấy rối tình dục được thực hiện nhanh chóng, toàn diện và công bằng;

d) Công ty sẽ bảo vệ thông tin về nhận thân của người được cho là nạn nhân và người bị cho là thực hiện hành vi quấy rối, nếu cần thiết. Công ty sẽ tiến hành các bước cần thiết để bảo vệ người đã thiện chí báo cáo sự việc và đảm bảo rằng việc đó sẽ không bị trả thù. Hành động trả thù người đã báo cáo về hành vi có khả năng là quấy rối tình dục là vi phạm quy định của công ty và pháp luật của nhà nước; đồng thời người có hành động trả thù sẽ phải chịu hình thức xử lý, kỷ luật thích đáng của Công ty và các quy định của pháp luật nhà nước.

2. Đối với người lao động

a) Nếu người lao động cho rằng mình là mục tiêu của hành vi quấy rối tình dục, nên thông báo cho người bị cho là thực hiện hành vi quấy rối thông qua lời nói hoặc văn bản rằng hành vi đó là không được mong muốn, xúc phạm và phải dừng ngay;

b) Nếu người lao động không muốn trao đổi trực tiếp với người bị cho là thực hiện hành vi quấy rối hoặc nếu việc trao đổi đó không hiệu quả, người lao động đó được khuyến khích báo cáo cho Phòng Tổ chức- Hành chính. Ngoài việc báo cáo cho Phòng Tổ chức- Hành chính người lao động cũng có thể giải quyết qua các kênh không chính thức hòa giải, trung gian, trao đổi không chính thức hoặc đề nghị điều tra chính thức.

c) Tất cả người lao động kể cả lao động quản lý phải tuân thủ phòng, chống quấy rối tình dục nơi làm việc.

Điều 25. Hình thức xử lý

Đối với người thực hiện hành vi quấy rối tình dục tùy theo mức độ vi phạm áp dụng một trong 4 hình thức xử lý kỷ luật: Khiển trách; kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng; cách chức; sa thải.

Đối với người tố cáo sai sự thật tương ứng với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, tùy theo mức độ vi phạm mà áp dụng một trong 4 hình thức xử lý kỷ luật: Khiển trách; kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng; cách chức; sa thải.

V. BẢO VỆ TÀI SẢN BÍ MẬT, CÔNG NGHỆ, KINH DOANH

Điều 26. Bảo vệ tài sản Công ty

- Tài sản của Công ty giao cho các đơn vị quản lý, sử dụng thủ trưởng các đơn vị phải tổ chức quản lý, sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Không sang nhượng, bán, cho, không được tự ý thay đổi thiết kế, tính năng của tài sản dẫn đến thay đổi chức năng phục vụ, không chuyển dịch sang cho người hoặc bộ phận khác hay mang ra khỏi đơn vị khi chưa được giám đốc cho phép, trừ dụng cụ cầm tay trang bị cho cá nhân.

- Người lao động làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại tài sản của người sử dụng lao động thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Giữ bí mật công nghệ, kinh doanh của doanh nghiệp

- Người lao động trong Công ty phải giữ bí mật công nghệ kinh doanh của đơn vị. Tất cả các văn bản, hồ sơ liên quan đến chức năng đơn vị nào thì đơn vị đó tổ chức bảo quản và lưu trữ theo quy định. Nghiêm cấm việc cung cấp, cho mượn, mang ra khỏi đơn vị các văn bản, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, tư liệu (kể cả bản sao, photocopy) khi chưa có lệnh Giám đốc.

- Phòng Kế hoạch - Tài vụ có nhiệm vụ tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán, giữ gìn bí mật các tài liệu và số liệu kế toán, kiểm tra việc chấp hành các chế độ quản lý, bảo vệ tài sản, vật tư, tiền vốn theo quy định.

- Trước khi ra về, từng bộ phận được phân công có trách nhiệm niêm phong kho tàng, tài liệu, khóa cửa, bàn giao cho bảo vệ cơ quan và tổ trực hàng ngày.

CHƯƠNG III

KỶ LUẬT LAO ĐỘNG VÀ TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT

I. VI PHẠM KỶ LUẬT LAO ĐỘNG XỬ LÝ KỶ LUẬT LAO ĐỘNG

Điều 28. Các hành vi sau đây được gọi là vi phạm kỷ luật lao động:

1. Vi phạm các quy định về Nội quy lao động của Công ty, cụ thể:

- Vi phạm về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi được quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7.
- Vi phạm quy định về trật tự trong Công ty được quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 8, Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 9.
- Vi phạm các hành vi bị cấm được quy định tại Điều 10.
- Vi phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động được quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19.

2. Không thực hiện, thực hiện không đúng các nội dung chỉ đạo của lãnh đạo Công ty; Không chấp hành mệnh lệnh điều hành sản xuất kinh doanh của người phụ trách đơn vị (mệnh lệnh điều hành sản xuất, kinh doanh của người phụ trách đơn vị phù hợp với quy định pháp luật hiện hành).

3. Không thực hiện đúng chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 9 của Nội quy lao động.

4. Vi phạm quy định về bảo vệ tài sản và bí mật công nghệ kinh doanh thuộc phạm vi trách nhiệm được giao được quy định tại Điều 26 và Điều 27. Các vi phạm quy định tại khoản 9 Điều 9 của Nội quy lao động.

5. Hành vi trộm cắp, tham ô, đánh bạc, cố ý gây thương tích. Các vi phạm quy định tại khoản 10 Điều 9 của Nội quy lao động.

Người lao động không chấp hành mệnh lệnh của người điều hành trực tiếp hoặc cấp trên nhưng được coi là không vi phạm kỷ luật lao động trong các trường hợp sau đây:

- Khi người điều hành trực tiếp ra lệnh cho người lao động làm công việc có nguy cơ gây tai nạn lao động, hư hỏng tài sản của Công ty hoặc của Nhà nước, công dân khác.
- Những công việc trái pháp luật.
- Những công việc gây ảnh hưởng xấu đến nhân phẩm người lao động và người khác.

6. Vi phạm về các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 10.

Điều 29. Hình thức xử lý kỷ luật.

Người vi phạm kỷ luật lao động tùy theo tính chất, mức độ vi phạm lỗi bị xử lý kỷ luật theo các hình thức sau đây:

1. Khiển trách bằng văn bản được áp dụng đối với những trường hợp sau đây:

- Người lao động vi phạm lần đầu đã bị phê bình, nhắc nhở mà vẫn tiếp tục tái phạm:

- + Vi phạm quy định về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi: đến trễ về sớm, bỏ trực không có lý do chính đáng; làm việc riêng, tự ý đi lại, rời bỏ vị trí công tác trong giờ làm việc; phát ngôn bừa bãi gây kích động làm mất đoàn kết nội bộ; thiếu tinh thần trách nhiệm làm việc tắc trách, lơ là dẫn đến số liệu thiếu chính xác ảnh hưởng đến chất lượng hồ sơ, tài liệu.

- + Vi phạm quy định về tác phong của người lao động và trật tự, an ninh nơi làm việc quy định tại Khoản 5, 6 và 8 Điều 9 nội quy lao động.

- + Vi phạm quy định an toàn lao động – vệ sinh lao động quy định trong nội quy lao động.

- Người lao động vi phạm lần đầu chưa gây hậu quả, thiệt hại cho Công ty được quy định tại khoản 3 và 6 Điều 28 của nội quy lao động này.

2. Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng; cách chức đối với người lao động khi đang giữ một chức vụ nhất định được áp dụng đối với những trường hợp sau đây:

- Người lao động đã bị xử lý kỷ luật khiển trách bằng văn bản mà không chịu sửa chữa, cố tình tái phạm trong thời gian đang bị xử lý kỷ luật.

- Người lao động có hành vi gây rối làm mất an ninh, trật tự trong Công ty.

- Người lao động có hành vi làm sai quy trình công nghệ, quy trình vận hành làm ảnh hưởng đến sản xuất và làm thiệt hại Công ty (thiệt hại có giá trị từ 15 đến dưới 20 triệu đồng).

- Người lao động có hành vi cưỡng ép, lăng nhục, đe dọa hoặc dọa dẫm đối với đồng nghiệp, khách hàng hoặc đối tác của Công ty.

- Người lao động có hành vi vu khống, phát ngôn bừa bãi hoặc có hành động làm mất uy tín của đồng nghiệp, cấp quản lý hay đối tác hoặc khách hàng của Công ty.

- Người lao động có hành vi từ chối, không chấp hành sự phân công hợp pháp của người có trách nhiệm trong Công ty; có hành vi chống lại người thi hành công vụ.

3. Sa thải.

Hình thức xử lý kỷ luật sa thải được áp dụng trong những trường hợp sau đây:

- Người lao động có hành vi trộm cắp, tham ô, đánh bạc, cố ý gây thương tích, sử dụng ma túy trong phạm vi nơi làm việc; làm trái quy trình sản xuất, quy trình vận hành công trình thủy lợi gây thiệt hại nghiêm trọng (thiệt hại có giá trị 20 triệu đồng trở lên) về tài sản, máy móc thiết bị của Công ty.

- Người lao động có hành vi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (cung cấp, cho mượn, mang ra khỏi đơn vị các văn bản, hồ sơ, chứng từ, tài liệu, tư liệu (kể cả bản sao, photocopy), các tài liệu và số liệu kế toán khi chưa có lệnh Giám đốc) của người sử dụng lao động, có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng (thiệt hại có giá trị 20 triệu đồng trở lên) về tài sản, lợi ích của Công ty hoặc có hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc được quy định trong nội quy lao động.

- Người lao động bị xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương hoặc cách chức mà tái phạm trong thời gian chưa xóa kỷ luật. Tái phạm là trường hợp người lao động lập lại hành vi vi phạm đó bị xử lý kỷ luật mà chưa được xóa kỷ luật theo quy định tại Điều 126 Bộ Luật lao động năm 2019.

- Người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày làm việc cộng dồn trong thời hạn 30 ngày hoặc 20 ngày làm việc cộng dồn trong thời hạn 365 ngày tính từ ngày đầu tiên tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng.

Các trường hợp được coi là có lý do chính đáng bao gồm: Thiên tai, hỏa hoạn; bản thân, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha vợ, mẹ vợ, cha chồng, mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi hợp pháp bị ốm có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền và trường hợp khác được quy định tại Điều 6 trong nội quy lao động.

Điều 30. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động

1. Khi phát hiện người lao động có hành vi vi phạm kỷ luật lao động tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm, người sử dụng lao động tiến hành lập biên bản vi phạm và thông báo đến tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở mà người lao động là thành viên, người đại diện theo pháp luật của người lao động chưa đủ 15 tuổi. Trường hợp người sử dụng lao động phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật lao động sau thời điểm hành vi vi phạm đã xảy ra, thì thực hiện thu thập đầy đủ căn cứ chứng minh được lỗi của người lao động.

2. Trong thời hiệu xử lý kỷ luật quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Lao động, người sử dụng lao động tiến hành họp xử lý kỷ luật lao động như sau:

a) Ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày tiến hành họp xử lý kỷ luật lao động, người sử dụng lao động thông báo về nội dung, thời gian, địa điểm tiến hành cuộc họp xử lý kỷ luật lao động đến các thành phần phải tham dự họp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 122 của Bộ luật lao động, đảm bảo các thành phần này nhận được thông báo trước khi diễn ra cuộc họp và tiến hành cuộc họp xử lý kỷ luật lao động khi có sự tham gia của các thành phần thông báo.

b) Khi nhận được thông báo của người sử dụng lao động, trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, các thành phần phải tham dự quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 122 của Bộ luật lao động phải xác nhận tham dự cuộc họp. Trường hợp một trong các thành phần phải tham dự không thể tham dự họp thì phải thông báo cho người sử dụng lao động nêu rõ lý

do, khi đó người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận việc thay đổi thời gian, địa điểm họp.

c) Người sử dụng lao động tiến hành họp xử lý kỷ luật lao động theo thời gian, địa điểm đã thông báo quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Trường hợp một trong các thành phần quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 122 của Bộ luật lao động không xác nhận tham dự cuộc họp, hoặc nêu lý do không chính đáng, hoặc đã xác nhận tham dự nhưng không đến họp thì người sử dụng lao động vẫn tiến hành họp xử lý kỷ luật lao động.

3. Cuộc họp xử lý kỷ luật lao động phải được lập thành biên bản và được thông qua các thành viên tham dự trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên tham dự cuộc họp. Trường hợp một trong các thành viên đã tham dự cuộc họp mà không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do.

4. Không được áp dụng nhiều hình thức xử lý kỷ luật lao động đối với một hành vi vi phạm kỷ luật lao động.

5. Khi một người lao động đồng thời có nhiều hành vi vi phạm kỷ luật lao động thì chỉ áp dụng hình thức kỷ luật cao nhất tương ứng với hành vi vi phạm nặng nhất.

6. Không được xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động đang trong thời gian sau đây:

a) Nghỉ ốm đau, điều dưỡng; nghỉ việc được sự đồng ý của người sử dụng lao động.

b) Đang bị tạm giữ, tạm giam.

c) Đang chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền điều tra xác minh và kết luận đối với hành vi vi phạm được quy định tại khoản 1 Điều 122 Bộ luật lao động.

d) Lao động nữ có thai, nghỉ thai sản; người lao động nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi.

7. Không xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động vi phạm kỷ luật lao động trong khi mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 31. Thời hiệu xử lý vi phạm kỷ luật lao động

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật lao động tối đa là 06 tháng kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm; trường hợp hành vi vi phạm liên quan trực tiếp đến tài chính, tài sản, tiết lộ bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh của Công ty thì thời hiệu xử lý kỷ luật lao động là 12 tháng.

2. Khi hết thời gian quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 30 của Nội quy lao động, nếu hết thời hiệu hoặc còn thời hiệu nhưng không đủ 60 ngày thì được kéo dài thời hiệu để xử lý kỷ luật lao động nhưng không quá 60 ngày kể từ ngày hết thời gian nêu trên.

Điều 32. Tạm đình chỉ công việc

Thời hạn tạm đình chỉ công việc không được quá 15 ngày, trường hợp đặc biệt cũng không được quá 90 ngày. Trong thời gian bị tạm đình chỉ công việc, người lao động được tạm ứng 50% tiền lương trước khi bị đình chỉ công việc. Hết thời hạn tạm đình chỉ công việc, người sử dụng lao động phải nhận người lao động trở lại làm việc.

Trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật lao động, người lao động cũng không phải trả lại số tiền lương đã tạm ứng.

Trường hợp người lao động không bị xử lý kỷ luật lao động thì được người sử dụng lao động trả đủ tiền lương cho thời gian bị đình chỉ công việc.

Điều 33. Thẩm quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động

Giám đốc Công ty là người có thẩm quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động qui định tại Điều 29 Nội quy này kể cả việc tạm thời đình chỉ công việc theo qui định tại Điều 32 của nội quy lao động.

Điều 34. Quyết định xử lý vi phạm kỷ luật lao động

Quyết định xử lý kỷ luật lao động phải được ban hành trong thời hạn quy định tại Điều 31 của Nội quy lao động.

Quyết định xử lý kỷ luật lao động phải được gửi đến các thành phần tham dự phiên họp xử lý kỷ luật lao động.

Điều 35. Hiệu lực của quyết định kỷ luật lao động

Người lao động bị khiển trách sau 03 tháng hoặc bị xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương sau 06 tháng hoặc bị xử lý kỷ luật cách chức sau 03 năm kể từ ngày bị xử lý, nếu không tiếp tục vi phạm kỷ luật lao động thì đương nhiên được xóa kỷ luật.

Trường hợp bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức cách chức thì sau thời hạn 03 năm, nếu tiếp tục vi phạm kỷ luật lao động thì không bị coi là tái phạm.

Điều 36. Giảm và xóa kỷ luật

1. Người bị xử lý kỷ luật kéo dài thời hạn nâng lương sau khi chấp hành được một nửa thời hạn, nếu sửa chữa tiến bộ thì được Giám đốc xét giảm thời hạn.

2. Việc giảm thời hạn hoặc xóa kỷ luật lao động trước thời hạn được thực hiện bằng văn bản.

II. TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT

Điều 37. Người lao động có hành vi dẫn đến thiệt hại tài sản Công ty, tùy theo lỗi và mức độ thiệt hại thực tế Giám đốc xem xét ra quyết định buộc bồi thường thiệt hại:

a) Nếu gây thiệt hại không nghiêm trọng do sơ suất với giá trị không quá 10 tháng lương tối thiểu vùng do Chính phủ công bố được áp dụng tại nơi người lao động làm việc, thì người lao động phải bồi thường nhiều nhất là 03 tháng tiền lương và bị khấu trừ hàng tháng vào lương. Mức khấu trừ tiền lương hàng tháng không quá 30% tiền lương thực trả hàng tháng của người lao động sau khi trích

nộp các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.

b) Nếu gây thiệt hại nghiêm trọng với mức trên 10 tháng lương tối thiểu vùng do Chính phủ công bố được áp dụng tại nơi người lao động làm việc thì phải bồi thường thiệt hại theo thời giá thị trường; Trường hợp có hợp đồng trách nhiệm thì phải bồi thường theo hợp đồng trách nhiệm; Trường hợp thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng: thiên tai, hỏa hoạn, địch họa, thảm họa và người lao động đã làm hết khả năng và trách nhiệm để bảo vệ nhưng không ngăn cản được thiệt hại thì không phải bồi thường.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Nội quy lao động của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Khai thác Dịch vụ Thủy lợi được làm cơ sở để Công ty quản lý lao động, điều hành sản xuất và xử lý các trường hợp vi phạm quy định về kỷ luật của Công ty.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nội quy lao động này có hiệu lực, Người lao động có hành vi vi phạm các nội quy lao động này trước ngày nội quy lao động này có hiệu lực mà chủ động báo cáo thì không bị xử lý kỷ luật, nhưng phải thực hiện bồi hoàn thiệt hại (nếu có).

Nội quy lao động này được thủ trưởng từng đơn vị cơ sở (các phòng ban, xí nghiệp, cụm, trạm) thông báo đến từng nhân viên, người lao động trong đơn vị. Tất cả nhân viên, người lao động trong Công ty phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh nội quy lao động, đấu tranh ngăn chặn mọi hành vi gây thiệt hại đến sản xuất và an ninh trật tự của Công ty.

Nội quy này được niêm yết tại Văn phòng Công ty, Bảng thông tin tại Công ty và các đơn vị trực thuộc./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội;
- Sở Nội vụ;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Đảng ủy, HĐND, BGĐ Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- BCH các đoàn thể;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Dam
NGUYỄN VĂN ĐAM